

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT
Ngày: 19/6/2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chìu.

Các Thẩm phán: + Bà Vũ Ngọc Hà.

+ Lê Trúc Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy An, Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST- KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX-PT ngày 20/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐPT-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank); Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Hữu S - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên. Ông S đã ủy quyền cho ông Nguyễn Hoài P - Phó Giám đốc Agribank - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên và ông Trần Hoàng B - Cán bộ pháp chế - Agribank - Chi nhánh tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Số 312 Quốc lộ 1A, khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022. Giấy ủy quyền số 157/GUQ-NHNo-TA ngày 17/6/2024. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Võ Thị Thu S, sinh năm 1999; ông Lê Văn C, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Vợ chồng bà Lê Thị H, sinh năm 1970; ông Võ Hoài Nh, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Q, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Vợ chồng ông Lê T, sinh năm 1985; bà Nguyễn Thị Kiều G, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài P, ông Trần Hoàng B thống nhất cùng trình bày: Ngày 27 tháng 11 năm 2020, vợ chồng bà Võ Thị

Thu S, ông Lê Văn C vay của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện T số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) để sử dụng vào mục đích buôn bán hàng nông sản, theo hợp đồng tín dụng số: 4602-LAV-202003307 ký ngày 27/11/2020. Mức lãi suất tại thời điểm cho vay 9,3%/năm; phương thức trả lãi: 03 tháng/lần, số tiền vay gốc được thanh toán vào cuối kỳ. Mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay 09 tháng; thời hạn trả cuối cùng vào ngày 27/8/2021, có gia hạn đến ngày 29/8/2022. Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng bà S, ông C đã thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020135/HĐTC ký ngày 27/11/2020 đối với: Diện tích 80m² đất ở nông thôn (ONT), thuộc thửa số 694, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, đã được UBND huyện T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 556072 ngày 25/6/2015 (chỉnh lý sang tên ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S ngày 04/12/2019) nhưng đến hạn trả nợ vợ chồng bà S, ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng vợ chồng bà S, ông C vẫn không trả nợ. Tính đến ngày 01/3/2024, vợ chồng bà S, ông C còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam số tiền 2.763.571.507đ (tiền gốc: 2.000.000.000đ, tiền lãi 763.571.507đ). Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà S, ông C phải trả số tiền 2.763.571.507đ, gồm: 2.000.000.000đ tiền gốc. 763.571.507đ tiền lãi tính đến ngày 01/3/2024 (trong đó: 605.352.329đ tiền lãi trong hạn, 158.219.178đ tiền lãi quá hạn). Nếu vợ chồng bà S, ông C không trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất 80m² và cả tài sản trên đất để thu hồi nợ.

- Bị đơn bà Võ Thị Thu S, ông Lê Văn C trình bày: Vợ chồng bà S, ông C thừa nhận vào ngày 27/11/2020, có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện T 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) với mục đích vay, thời hạn và mức lãi suất và thế chấp tài sản về quyền sử dụng đất đối với diện tích 80m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 694, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 556072 ngày 25/6/2015 (chỉnh lý sang tên cho vợ chồng bà S, ông C ngày 04/12/2019) do vợ chồng bà S, ông C đứng tên sử dụng như nguyên đơn khởi kiện và trình bày là đúng. Bà S, ông C thừa nhận tổng số tiền gốc và lãi hiện nay còn nợ Ngân hàng như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, do điều kiện làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp thì chỉ phát mãi tài sản theo đúng như hợp đồng thế chấp là diện tích đất 80m² để thu hồi nợ chứ không đồng ý việc phát mãi các tài sản trên đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Võ Thị Q trình bày: Phần diện tích đất 38,5m² hiện đang có nhà ở của vợ chồng chị S, anh C, thuộc thửa đất 760, theo bản đồ đo đạc năm 2012 do bà Q đứng tên sử dụng, nhưng thực tế bà Q không còn sử dụng vì trước đây bà Phạm Thị H mẹ bà Q đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê T, bà Nguyễn Thị Kiều G. Do đó, diện tích đất 38,5m² nói trên bà Võ Thị Q không liên quan gì. Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

+ Ông Lê T trình bày: Về các thửa đất 694, diện tích 80m², thửa đất 760 diện tích 38,5m² hiện đang có nhà ở của vợ chồng bà S, ông C nguyên trước đây

thửa đất 694 vợ chồng anh T nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị N đã được cấp giấy CNQSD đất cho bà N, sang tên cho vợ chồng anh T năm 2015; còn thửa 760 thì vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị H chưa được cấp giấy CNQSD đất. Sau đó, vợ chồng ông T đã chuyển nhượng các thửa đất nói trên cho vợ chồng bà Lê Thị H, ông Võ Hoài N nên vợ chồng ông T không liên quan gì. Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

+ Bà Lê Thị H, ông Võ Hoài N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 01/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T Quyết định:

Áp dụng Điều 317, 318, 322, 327, 408, 427, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành BLDS về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Các Điều 147, 157, 158, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn vợ chồng anh Lê Văn C, chị Võ Thị Thu S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam số tiền 2.763.571.507đ (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng*) (trong đó tiền gốc 2.000.000.000đ, tiền lãi trong hạn 605.352.329đ, tiền lãi quá hạn 158.219.178đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng anh C, chị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà vợ chồng anh C, chị S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp.

Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020135/HĐTC ký ngày 27/11/2020 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T với bên thế chấp là vợ chồng Lê Văn C, Võ Thị Thu S vô hiệu.

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T phải trả lại cho vợ chồng ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 556072, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đăng ký biến động sang tên Lê Văn C, Võ Thị Thu S ngày 04/12/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12/3/2024, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam (Agribank) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy một phần bản án số 01/2024/KDTM-ST ngày 01/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T về phần tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu. Buộc vợ chồng ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận, nếu không thực hiện hoặc

thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp cùng các tài sản gắn liền với đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S để thu hồi nợ vay của Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm.

Bị đơn thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng khác giữ nguyên ý kiến trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Xét sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ nên chấp nhận ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối tượng tranh chấp của các bên là Hợp đồng tín dụng số: 4602-LAV-202003307 ký ngày 27/11/2020, vợ chồng bà S, ông C vay của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T số tiền 2.000.000.000đ. Tài sản bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay là quyền sử dụng đất với diện tích 80m², loại đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 694, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 556072 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/6/2015 (chỉnh lý ngày 04/12/2019), số vào sổ: CH 007714. Nội dung thế chấp được thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 2020135/HĐTC ngày 27/11/2020 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã A và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên – Chi nhánh huyện T. Đến hạn vợ chồng bà S, ông C không thực hiện đúng cam kết và không trả nợ nên Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà S, ông C trả nợ số tiền 2.468.794.520đ, trong đó: nợ gốc 2.000.000.000đ; lãi trong hạn 417.813.698đ; lãi quá hạn 50.980.822đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ toàn diện khách quan, được các bên thừa nhận nên buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam số tiền 2.763.571.507đ (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng*)(trong đó tiền gốc 2.000.000.000đ, tiền lãi trong hạn 605.352.329đ, tiền lãi quá hạn 158.219.178đ) là hoàn toàn có cơ sở đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về trường hợp vợ chồng ông C, bà S không thanh toán số tiền vay theo hợp đồng trên cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về xử lý tài sản bảo đảm, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020135/HĐTC ngày 27/11/2020 để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp qua đo đạc thực tế xác định tổng diện tích đất hiện trạng bị đơn đang quản lý, sử dụng là 138,8m², tăng 58,8m², trên đất có xây dựng công trình. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020135/HĐTC ký ngày 27/11/2020 thì nghĩa vụ trả nợ vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất đối với diện tích 80m². Còn phần diện tích đất 58,8m² tăng thêm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trên đất có nhà ở được xây dựng trên một phần diện tích đang thế chấp và một phần trên diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khi ký kết hợp đồng thế chấp, Ngân hàng không có mặt tại nơi có tài sản thế chấp để xác minh, thẩm định tài sản nên không biết được ngôi nhà và các công trình phụ xây dựng lấn sang phần diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xử lý tài sản bảo đảm không thể thi hành án và không đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Nên Hợp đồng thế chấp nêu trên vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được theo quy định tại Điều 408 Bộ luật dân sự. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020135/HĐTC ký ngày 27/11/2020 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T với bên thế chấp vợ chồng ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S vô hiệu. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 556072, cho vợ chồng ông C, bà S là sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật, làm thiệt hại cho đương sự. Vì Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, nếu không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất, hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải trả lại tài sản đã thế chấp cho bị đơn là trái quy định pháp luật, làm bất lợi cho nguyên đơn trong việc thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã ký kết.

[4] Từ những căn cứ pháp luật và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật. Buộc vợ chồng bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 2.763.571.507đ (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng*) (trong đó tiền gốc 2.000.000.000đ, tiền lãi trong hạn 605.352.329đ, tiền lãi quá hạn 158.219.178đ). Trường hợp vợ chồng bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý, kê biên, cưỡng chế, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020135/HĐTC ngày 27/11/2020 để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ 2.173.000đ (*Hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng*). Ngân

hàng khởi kiện được chấp nhận đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên bị đơn phải chịu chi phí theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng đã nộp tạm ứng đủ 2.173.000đ nên bị đơn vợ chồng ông C, bà S phải hoàn trả cho nguyên đơn 2.173.000đ.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại.

+ Bị đơn vợ chồng ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 147, 157, 158, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 317, 318, 322, 327, 408, 427, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T số tiền 2.763.571.507đ (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng*) (trong đó tiền gốc 2.000.000.000đ, tiền lãi trong hạn 605.352.329đ, tiền lãi quá hạn 158.219.178đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông C, bà S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà vợ chồng ông C, bà S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp vợ chồng bị đơn ông C, bà S không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý, kê biên, cưỡng chế, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020135/HĐTC ngày 27/11/2020 để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Lê Văn C, bà Võ Thị Thu S phải chịu 87.271.430đ (*Tám mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm ba mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại.

- Hoàn lại cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T số tiền 40.687.945đ (*Bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0009553 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn vợ chồng ông C, bà S phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T số tiền 2.173.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND H. Tuy An(2);
- CCTHADS H. Tuy An;
- P.KTNV THA;
- P.TCCB;
- Các đương sự
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Chiu